

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 192/2024/HS-ST

Ngày: 23 - 10 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lý

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Tiến Thịnh

2. Bà Nguyễn Thị Thu Trang

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 191/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Đình H**, sinh ngày 10/01/1978; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 7, phường Q, thành phố T, tỉnh T; Nơi ở: Số nhà 190, đường N, tổ 19, phường K, thành phố T, tỉnh T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Đình Đ (đã chết) và bà Huỳnh Thị T1; Có vợ là Nguyễn Thị Ánh H1 và có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2010.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Quyết định số 2887/QĐ-CT ngày 01/10/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội thành phố T thời hạn 12 tháng, chấp hành xong ngày 17/9/2013.

Bản án số 14/2016/HSST ngày 21/01/2016 của Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt Nguyễn Đình H 05 năm tù về tội Cướp giật tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2019, chấp hành xong án phí ngày 11/4/2016.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/5/2024, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình. (có mặt)

2. **Phạm Văn T2**, sinh ngày 26/9/1982; Nơi cư trú: Số nhà 42, đường N1, tổ 21, phường K, thành phố T, tỉnh T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên bố: Không xác định; Họ tên mẹ: Phạm Thị N2; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Bản án số 111/2010/HSST ngày 15/9/2010 của Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 7 năm 6 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/7/2017, chấp hành xong án phí ngày 18/5/2016, tiền phạt bổ sung đã nộp 100.000 đồng ngày 18/5/2016, còn 4.900.000 đồng được miễn theo quyết định số 18 ngày 14/9/2016.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 125/HSST ngày 23/8/1997 của Tòa án nhân dân tỉnh T xử phạt 01 năm tù về tội Cướp tài sản của công dân, chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/01/1998, chấp hành xong án phí ngày 13/6/1998 (đã được xóa).

Bản án số 11/HSST ngày 20/3/1999 của Tòa án nhân dân thị xã T xử phạt 24 tháng tù về tội Cưỡng đoạt tài sản của công dân, chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/9/2000, đã nộp 20.000 đồng án phí ngày 06/9/2000, còn 80.000 đồng được miễn theo quyết định số 44 ngày 14/9/2000 (đã được xóa).

Bản án số 46/HSST ngày 09/5/2001 của Tòa án nhân dân thị xã T xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/8/2001, chấp hành xong án phí ngày 29/9/2004 (đã được xóa).

Bản án số 04/HSST ngày 29/01/2002 của Tòa án nhân dân thị xã T xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/9/2003, chấp hành xong án phí ngày 24/9/2005 (đã được xóa).

Bản án số 41/2007/HSST ngày 14/3/2007 của Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/6/2008, chấp hành xong án phí và tiền thu lợi bất chính ngày 19/9/2007 (đã được xóa).

Bản án số 75/2020/HSST ngày 24/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/8/2021, chấp hành xong án phí ngày 02/11/2020 (đã được xóa).

Quyết định số 1791/QĐ-CT ngày 02/8/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục 24 tháng tại Cơ sở giáo dục X, tỉnh H2, chấp hành xong ngày 02/8/2006.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/5/2024, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T2: Ông Đào Quang N3 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Bình. (có mặt)

Bị hại: Chị Trần Khánh L, sinh năm: 2006 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 40, đường N4, tổ 05, phường Đ1, thành phố T, tỉnh T.

Nơi ở: Tổ 09, phường H3, thành phố T, tỉnh T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Trần Thị T3, sinh năm: 1992 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 10, phường H3, thành phố T, tỉnh T.

Người làm chứng: Anh Phạm Trọng K1, sinh ngày 18/01/2007, nơi cư trú: Tổ 7, phường H3, thành phố T, tỉnh T. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của anh Phạm Trọng K1: Ông Phạm Trọng D, sinh năm 1979 và bà Dương Thị H4, sinh năm 1981, đều trú tại: Tổ 7, phường H3, thành phố T, tỉnh T. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 10/05/2024, Nguyễn Đình H điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu sơn xanh bạc, biển số đăng ký 17B9 - 524.38 đến nhà Phạm Văn T2 chơi. Sau đó cả hai rủ nhau đi chơi rồi H điều khiển xe máy chở T2 ngồi sau, khi đi đến khu vực gần khu đô thị 379, phường Q, thành phố T, tỉnh T thì H thấy ở trước cửa một quán gà rán có anh Phạm Trọng K1 điều khiển xe máy điện màu đen không đeo biển số chở chị Trần Khánh L ngồi sau xe vừa đi ra khỏi quán, chị L có để một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu trắng ở túi cạnh balo đang đeo sau lưng. Thấy vậy, H nói với T2 “Người phụ nữ ngồi phía sau đeo ba lô có để cái điện thoại ở túi ngoài cạnh balo, anh em mình đi theo, chỗ vắng người thì lấy trộm”, T2 đồng ý. H tiếp tục điều khiển xe máy chở T2 đi theo sau xe máy điện của anh K1 và chị L ra đường Q, qua ngã tư A vào đường H5. Khi đến khu vực đèn xanh

đèn đỏ giao giữa đường H5 và đường L1, thấy anh K1 dừng đèn đỏ, H đã điều khiển xe máy áp sát về phía bên phải xe máy điện của anh K1, cùng lúc này T2 ngồi sau dùng tay trái giật chiếc điện thoại để ở túi cạnh ba lô của chị L. Khi T2 giật được chiếc điện thoại thì H ngay lập tức điều khiển xe máy tăng ga bỏ chạy. Phát hiện bị giật điện thoại, chị L hô “Anh ơi cho em xin lại cái điện thoại, cướp, cướp”. H vẫn tiếp tục điều khiển xe máy bỏ chạy rẽ phải vào đường L1, sau đó rẽ phải vào đường T4 rồi đi thẳng đến ngõ rẽ ra đường T5 rồi rẽ phải ra đường L2. Khi đi đến cửa hàng điện thoại Đ2 ở số nhà 412, đường L3, phường T6, thành phố T, tỉnh T thì H nói với T2 “T2 đưa điện thoại cho anh để anh vào bán, còn em đứng ngoài đợi”. T2 đưa chiếc điện thoại vừa giật được của chị L cho H. H cầm điện thoại đi vào trong cửa hàng điện thoại Đ2 thì gặp chị Trần Thị T3 (là nhân viên bán hàng), H đưa chiếc điện thoại cho chị T3 để bán. Khi chị T3 hỏi H về nguồn gốc chiếc điện thoại thì H nói “Máy có mặt khóa bị khóa do đăng nhập sai nên muốn bán”. Chị T3 trả giá chiếc điện thoại là 3.000.000 đồng, H đồng ý bán chiếc điện thoại và nhận tiền từ chị T3. Khi ra ngoài gặp T2, H nói với T2 bán điện thoại được 1.000.000 đồng và đưa 1.000.000 đồng cho T2 để đi mua đồ ăn. H chờ T2 về nhà H, sau đó T2 lấy xe máy của H đi mua đồ ăn hết 500.000 đồng rồi mang về nhà H cùng nhau ăn, số tiền 500.000 đồng còn lại T2 đưa lại cho H để tiêu chung. Toàn bộ số tiền còn lại từ việc bán điện thoại H đã tiêu xài cá nhân hết. Ngày 23/5/2024 chị Trần Khánh L có đơn trình báo gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình. Ngày 25/5/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình triệu tập Nguyễn Đình H, Phạm Văn T2 để làm việc. Tại cơ quan điều tra Nguyễn Đình H, Phạm Văn T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS ngày 30/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, kết luận: Trị giá 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 11 PROMAX, vỏ màu trắng, đã qua sử dụng tại thời điểm định giá ngày 10/5/2024 là 7.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Khánh L yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường cho chị giá trị chiếc điện thoại theo kết luận định giá là 7.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đình H tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền 7.000.000 đồng cho chị Trần Khánh L và không yêu cầu bị cáo Phạm Văn T2 phải liên đới bồi thường với mình.

Bản Cáo trạng số 197/CT-VKSTPTB ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố Nguyễn Đình H về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự, truy tố Phạm Văn T2 về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Đình H và Phạm Văn T2 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm đã truy tố trong bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đình H và Phạm Văn T2 phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Hình phạt:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình H 03 năm 09 tháng đến 04 năm 03 tháng tù.

Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T2 04 năm 06 tháng đến 05 năm 06 tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Đình H, buộc bị cáo Nguyễn Đình H phải bồi thường cho chị Trần Khánh L số tiền 7.000.000 đồng.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 áo sơ mi có cổ, ngắn tay, kẻ ca rô màu xanh, đã qua sử dụng. 01 quần vải sáng màu, đã qua sử dụng. 01 mũ bảo hiểm, dạng lưỡi trai màu đen, đã qua sử dụng. 01 áo phông ngắn tay, không cổ màu trắng - đen, đã qua sử dụng. 01 mũ bảo hiểm, dạng lưỡi trai màu vàng, đã qua sử dụng.

- Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đình H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Phạm Văn T2 thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T2 nhất trí với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình. Mặc dù bị cáo T2 đã nhiều lần bị Tòa án xét xử tại các bản án khác nhau nhưng do nhận thức thấp, hiện nay đang mắc bệnh hiểm nghèo Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh, điều kiện phạm tội, cân nhắc giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Đình H và Phạm Văn T2 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo là chứng cứ buộc tội lẫn nhau và phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, kết luận định giá tài sản và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 10/5/2024, tại khu vực ngã tư giao giữa đường H5 và đường L1, thuộc tổ 3, phường L4, thành phố T, tỉnh T, Nguyễn Đình H sử dụng xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu sơn xanh bạc, biển số đăng ký 17B9-524.38 chở Phạm Văn T2 thực hiện hành vi cướp giật chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax vỏ màu trắng trị giá 7.000.000 đồng của chị Trần Khánh L.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Đình H đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Lạm phạm tội này của Phạm Văn T2 thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, vì vậy hành vi của Phạm Văn T2 đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Điều 171. Tội cướp giật tài sản

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

....

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;

.....

i) Tái phạm nguy hiểm;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.”

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Bản thân các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi do mình thực hiện nhưng vẫn cố ý phạm tội.

[4] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố đối với Nguyễn Đình H về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự, truy tố đối với Phạm Văn T2 về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Tội phạm thực hiện có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng bàn bạc thống nhất thực hiện và có vai trò ngang nhau trong vụ án, sau khi phát hiện tài sản thì bị cáo H điều khiển xe máy chở T2, bị cáo T2 giật chiếc điện thoại để ở túi cạnh ba lô của chị L.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Đình H và Phạm Văn T2 đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục các bị cáo, góp phần đấu tranh phòng ngừa chung.

[8] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Trần Khánh L yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường giá trị chiếc điện thoại Iphone 11 promax mà các bị cáo đã chiếm đoạt của chị L theo giá trị định giá là 7.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị

cáo Nguyễn Đình H tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền 7.000.000 đồng cho chị Trần Khánh L và không yêu cầu bị cáo Phạm Văn T2 phải liên đới bồi thường với mình, bị cáo T2 đồng ý để bị cáo H bồi thường thay mình. Do đó buộc bị cáo Nguyễn Đình H bồi thường cho chị Trần Khánh L số tiền 7.000.000 đồng.

[10] Về xử lý vật chứng, tài sản:

Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 promax, vỏ màu trắng sau khi chiếm đoạt được, H và T2 đã đem đến cửa hàng điện thoại Đ2 gặp và bán cho chị Trần Thị T3, sau đó cửa hàng đã bán cho khách không quen biết nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu xanh bạc, biển số đăng ký 17B9 -524.38, tài liệu điều tra xác định chiếc xe trên là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Đình D1, sinh năm 2000, trú tại số nhà 190, đường N, tổ 19, phường K, thành phố T, tỉnh T (là con trai bị cáo H). Anh D1 không biết bị cáo H lấy xe để đi cướp giật tài sản, anh D1 đề nghị xin lại chiếc xe trên. Ngày 26/9/2024 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe trên cho anh D1 quản lý, sử dụng.

Đối với 01 áo sơ mi có cổ, ngắn tay, kẻ ca rô màu xanh, 01 quần vải sáng màu, 01 mũ bảo hiểm, dạng lưỡi trai màu đen, 01 áo phông ngắn tay, không cổ màu trắng - đen, 01 mũ bảo hiểm, dạng lưỡi trai màu vàng, đều không còn giá trị sử dụng, các bị cáo không có yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

[11] Đối với chị Trần Thị T3 là nhân viên bán hàng tại cửa hàng điện thoại Đ2: Ngày 10/5/2024 chị có mua 01 chiếc điện thoại Iphone 11 Promax màu trắng với giá 3.000.000 đồng của Nguyễn Đình H nhưng chị T3 không biết chiếc điện thoại trên là do bị cáo H và bị cáo T2 cướp giật được mà có nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

[12] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đình H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Phạm Văn T2 thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đình H và bị cáo Phạm Văn T2 phạm tội “Cướp giật tài sản”.

2. Hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình H 03 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 25/5/2024.

2.2. Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T2 04 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 25/5/2024.

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Đình H phải bồi thường cho chị Trần Khánh L số tiền 7.000.000 đồng (*bảy triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 áo sơ mi có cổ, ngắn tay, kẻ ca rô màu xanh, đã qua sử dụng. 01 quần vải sáng màu, đã qua sử dụng. 01 mũ bảo hiểm, dạng lưỡi trai màu đen, đã qua sử dụng. 01 áo phông ngắn tay, không cổ màu trắng - đen, đã qua sử dụng. 01 mũ bảo hiểm, dạng lưỡi trai màu vàng, đã qua sử dụng.

(Vật chứng, tài sản trên đã được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 07/10/2024).

5. Án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Đình H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Phạm Văn T2.

6. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản

án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Trại tạm giam/Nhà tạm giữ;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lý